

Số: 230/2009/TT-BTC	
BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số
	Ngày:
Chuyên	

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn ưu đãi về thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng cục môi trường) tại công văn số 1803/TCMT-KIITC ngày 21/10/2009,

Bộ Tài chính hướng dẫn các ưu đãi về thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

Điều 1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại mục II Phần A và mục II Phần B của Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 04/2009/NĐ-CP đáp ứng các tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực môi trường được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

a) Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp, hợp tác xã có được từ dự án đầu tư hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới từ dự án đầu tư hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn thuế 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới từ dự án đầu tư hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thực hiện tại địa bàn không thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định tại

Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ được miễn thuế 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

2. Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với phần thu nhập từ hoạt động bảo vệ môi trường; trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có các hoạt động sản xuất, kinh doanh khác thì phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động bảo vệ môi trường để kê khai xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi.

Trường hợp trong kỳ tính thuế doanh nghiệp, hợp tác xã không hạch toán riêng được thu nhập từ hoạt động bảo vệ môi trường và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác thì phần thu nhập từ hoạt động bảo vệ môi trường xác định bằng $(=)$ tổng thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thu nhập khác) nhân (x) với tỷ lệ phần trăm $(\%)$ của doanh thu hoạt động bảo vệ môi trường so với tổng doanh thu của doanh nghiệp, hợp tác xã trong kỳ tính thuế.

3. Thu nhập từ hoạt động bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Điều này là khoản thu nhập được tạo ra từ dự án bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực môi trường, kể cả thu nhập từ bán các sản phẩm tận dụng được trong quá trình thực hiện dự án đó và thu nhập từ các đề tài nghiên cứu khoa học xử lý chất thải, nước thải.

4. Tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực môi trường thực hiện theo Danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 2. Về thuế giá trị gia tăng

Máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được mà tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để làm căn cứ xác định hàng hoá không chịu thuế nêu tại Điều này do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

Để xác định hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu quy định tại Điều này, người nhập khẩu phải xuất trình cho cơ quan hải quan các hồ sơ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Về chi phí thực hiện hoạt động quảng bá sản phẩm, phân loại rác tại nguồn

1. Chi phí quảng bá sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường, chi phí xây dựng các bộ phim, phóng sự khoa học về bảo vệ môi trường và chi phí thực hiện việc cung cấp miễn phí các dụng cụ cho người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 04/2009/NĐ-CP của doanh nghiệp, hợp tác xã có dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức chi thực tế nếu đáp ứng điều kiện về hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí quảng bá sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí tổ chức các cuộc hội thảo khoa học thảo luận về cách thức sản xuất, tính năng, công dụng của các sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường;

b) Chi phí nghiên cứu thị trường: thăm dò, khảo sát, phong vấn, thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường;

c) Chi phí phát triển và hỗ trợ nghiên cứu thị trường;

d) Chi phí thuê tư vấn thực hiện công việc nghiên cứu, phát triển và hỗ trợ nghiên cứu thị trường;

đ) Chi phí trưng bày, giới thiệu sản phẩm và tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; chi phí mở phòng hoặc gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm; chi phí thuê không gian để trưng bày, giới thiệu sản phẩm; chi phí vật liệu, công cụ hỗ trợ trưng bày, giới thiệu sản phẩm; chi phí vận chuyển sản phẩm trưng bày, giới thiệu.

e) Chi phí quảng bá các sản phẩm từ hoạt động bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Bộ phim, phóng sự khoa học về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Phim phổ cập và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiêu dùng bền vững cho cộng đồng đối với những sản phẩm thân thiện với môi trường được cấp nhãn sinh thái của tổ chức được Nhà nước công nhận.

b) Phim, phóng sự khoa học phổ biến kiến thức về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn: giảm thiểu - tái sử dụng - tái chế (3R).

4. Các dụng cụ được cấp miễn phí cho người dân quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: thùng đựng rác hoặc túi đựng rác kích cỡ khác nhau, theo màu để phân loại rác hữu cơ và rác vô cơ.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã có dự án đầu tư hoạt động bảo vệ môi trường cung cấp miễn phí dụng cụ cho người dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn quy định tại khoản này có phát kèm theo tờ rơi hướng dẫn về phân loại chất thải rắn hữu cơ và chất thải rắn vô cơ cùng với các dụng cụ nêu trên thì chi phí làm tờ rơi được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp miễn phí dụng cụ cho người dân quy định tại Điều này ngoài việc đáp ứng điều kiện hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, phải lập bảng kê chi tiết, trong đó phải ghi rõ họ tên người được cấp, địa chỉ cụ thể; số lượng, giá trị của từng loại dụng cụ; chữ ký của người được cấp; chữ ký của người đại diện theo Pháp luật hoặc người được uỷ quyền của doanh nghiệp.

Bảng kê cung cấp dụng cụ miễn phí do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của việc lập bảng kê.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;
Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính,
- Lưu. VT. CST (TN)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn